

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA

ĐÔI NÉT VỀ VĂN HOÁ TÊN LÀNG: TRƯỜNG HỢP XÃ VĨNH HÀO, HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

SOME CULTURAL FEATURES OF VILLAGERY NAMES
(Vinh Hao village, Vu Ban district, Nam Dinh Province)

NGÔ THANH MAI

(ThS ; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia HN)

Abstract: In Vietnamese, place names in general, and villagery names in particular are linked with national and regional histories and cultures. Up to now, most of villages in Vietnam still have both Chinese-transcribed Vietnamese names and kanji names. The study of villagery names in term of culture and linguistics is very interesting, through which the relationship between the names and the geographic characteristics, production practices, customs and traditions ... in every area of rural Vietnam can be clearly seen. The author gives a comment of Vietnamese villagery culture through some brief historical overview and analysis of the characteristics of the names in Vinh Hao village.

Keywords: village name ; characteristics ; Vinh Hao village.

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, địa danh, nhất là tên gọi làng xã gắn liền với lịch sử văn hóa và ngôn ngữ. Trải qua quá trình diễn tiến của lịch sử, đến nay, tên gọi các làng xã Việt Nam thường tồn tại cả tên Nôm và tên Hán Việt. Tìm hiểu về tên gọi làng xã vừa là lĩnh vực văn hóa học, vừa gắn liền với ngôn ngữ học. Từ góc độ lịch đại, nghiên cứu tên gọi làng xã giúp chúng ta khẳng định được một phần về đặc điểm địa lí, phương thức sản xuất, phong tục tập quán cũng như quá trình phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc và lịch sử vùng miền của nông thôn Việt Nam. Mặt khác, có thể hiểu sâu hơn về nguyên tắc định danh trong tên gọi làng xã.

Là người con sinh ra từ huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, lại nghiên cứu và giảng dạy văn hóa Việt Nam, chúng tôi rất hứng thú với đề tài văn hóa làng xã, trong đó có tên gọi làng

xã. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi hi vọng qua đôi nét khái quát về lịch sử hình thành năm làng thuộc xã Vĩnh Hào và phân tích đặc điểm tên gọi của các làng này, có thể góp thêm lời bàn về một góc của không gian văn hóa làng xã Việt Nam.

2. Sơ lược về xã Vĩnh Hào, huyện Vụ Bản, Nam Định

Xã Vĩnh Hào nằm ở phía Nam huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, thuộc vùng chiêm trũng, có thể nói là trũng nhất của cả huyện, diện tích trồng lúa chiếm tới 90%. Người dân ở đây chủ yếu làm nghề nông. Lúc nông nhàn, mỗi làng lại làm thêm nghề thủ công để tăng thêm thu nhập, tạo nên đặc trưng văn hóa khác biệt so với các làng xã ở phía Bắc của huyện.

Theo ghi chép trong Ngọc phả, vùng trũng này bao gồm năm làng cổ xưa, hình thành từ thuở xa xưa, nằm trong vùng đất cổ phía Nam

đồng bằng Bắc Bộ, được bồi đắp trong quá trình biển lùi cách đây 7000 năm và phù sa của sông Hồng và sông Đáy. Cuối thời kì đồ đá mới sang thời kì kim khí, cách đây khoảng 4000 năm, con người đã xuất hiện ở chân các dãy núi đất này và vùng đồng cát Lương Kiệt (xã Liên Minh).

Cuối thế kỉ XX, các nhà khảo cổ học đã phát hiện nhiều hiện vật đồ đá mới ở di chỉ hang Lò (núi Lê) và núi đất ở huyện Vụ Bản. Các làng thuộc xã Vĩnh Hào đều nằm gần khu di chỉ này. Qua quá trình khai thác vùng bãi biển sinh lầy của cửa biển núi Gôi, thường gọi là Côi Sơn hải khẩu, người xưa đã quai đê lấn biển, từ chân những núi đất này chuyển dần xuống các bãi đất cao, tụ cư nơi thuận tiện, tạo nên các trang ấp. Vĩnh Hào có năm làng thì có tới bốn làng xưa được gọi là Kê, gồm Kê Đại (Đại Lại), Kê Si (Vĩnh Lại), Kê Tiên (Tiên Hào), Kê Sắt (Cự Hào) và Ấp Sên (Hò Sen).

3. Tên Nôm xưa và tên gọi ngày nay của các làng ở Vĩnh Hào

Tên gọi năm làng thuộc xã Vĩnh Hào đều có cội nguồn của nó, tên cổ xưa còn gọi là tên Nôm thường gắn với đặc điểm địa lí của mỗi làng và phản ánh đặc điểm chung của vùng trũng. Kê Si mang tên cây Si, Ấp Sên mang tên cây Sên, là những loại cây vốn sống ở vùng sông nước. Cả năm làng sớm muộn đều xuất hiện từ rất lâu đời và đều là những Kê hoặc liên quan đến Kê.

Làng Kê Si còn gọi là Cổ Sư, được ghi trong Ngọc phả của họ Phạm, có từ trước thời nhà Đinh. Theo bài thơ Đường “*Vịnh cổ hương*” của Tiến sĩ Phạm Đình Kính (1669 - 1737) thì làng do năm họ từ vùng Tượng Lâm (tức Rừng Voi, Đông Triều) di cư vào vùng ven biển này để cấy cấy, sinh sống, lập nên trang ấp.

Làng Hò Sen (Ấp Sên), theo Ngọc phả đền làng Hò Sen viết năm Hồng Phúc nguyên niên (1572) thì tướng quân Cao Mang đến ấp này từ thời Lý. Lúc đó làng có tên là Hồ Liên (nghĩa là một cái khay, hình dung làng là một khu đất bằng phẳng, vuông vức). Theo “*Các*

trần tông xã danh bị lãm” và “*Nam Định dư địa chí*” của Nguyễn Ôn Ngọc thì về sau làng đổi tên thành Hồ Liên (“liên” là sen, vì vậy thường gọi là Hò Sen). Hiện nay, làng Hò Sen tiếp giáp với làng Vĩnh Lại còn có con đường Sên và cánh đồng Sên.

Làng Kê Đại (Đại Lại) có nghĩa là gò lớn, vốn xưa là một cồn cát cao và rộng như cồn núi (truyền thuyết dân gian cho là một hòn núi đất, sau dịch chuyển về Hồ Sơn, tức núi Hồ, còn cồn đất cao được gọi là cồn Khôi). Trong thư tịch ghi chép lịch sử làng xã, tên Đại Lại sớm nhất được biết đến từ năm 1616 (năm Lê Hoàng Định thứ 16) trong văn bia chùa Ngô Tiên. Cuốn “*Sơ lược chùa Ngô Tiên*” do Ban tôn tạo chùa ghi chép, có đoạn viết: *Chùa Ngô Tiên còn có tên là chùa Ngô, là một ngôi chùa cổ, ít nhất cũng được xây dựng từ thế kỉ XV-XVI*. Bia “*Ngô Tiên tự thi thạch bi*” soạn năm Hoàng Định thứ 16 đời Lê đã chỉ rõ, đây là ngôi chùa lớn, là một danh lam cổ tích, bảo điện nguy nga, trước chùa có chợ, cảnh tượng thật là sầm uất, trên bia còn khắc thơ ca ngợi cảnh chùa.

Làng Kê Tiên (Tiên Hào) có miếu (miếu) rộng trên một bãi đất cao, gần sông, trên bến, dưới thuyền. Dân ở đây có tục thờ thần bản thổ làm thành hoàng làng, có miếu thờ thần núi Sơn Tinh và thần biển Đông Hải quốc mẫu, đượm màu sắc tín ngưỡng nguyên thủy. Câu đối ở đền làng còn ghi nhớ nguồn gốc con Rồng cháu Tiên đời Hồng Bàng:

Tiên Rồng nòi giống trời sinh Thánh

Côi Hồ linh thiêng núi giáng Thần.

Làng Kê Sắt (Cự Hào), dấu tích còn lại ở trại Sắt. Người xưa sinh sống trên gò Sắt đất cao, sau phát triển sang đất Cự Hào và Cồn Dâu ngày nay để mở mang đồng ruộng sản xuất. Làng có miếu thờ Quan Lang, thờ Sơn thần. Cồn Dâu là dấu tích của quá trình quai đê lấn biển của cư dân trước đây trong thời kì biển lùi.

Vĩnh Hào thuộc vùng đất trũng, vốn xưa là bãi biển sinh lầy. Trong quá trình biển lùi thuộc kỉ Hô – lô xen cách đây khoảng 6000 –

7000 năm, vùng hải khẩu này được bồi đắp liên tục, tạo ra những bãi cát, cồn cát và nhiều lạch nước. Cư dân sống ven chân núi đã dần di cư xuống đây, sống trên những bãi cát, cồn cát, khai phá đất đai, lập nên các làng từ đời vua Hùng dựng nước. Cả năm làng đều có nguồn gốc xa xưa, có quan hệ cộng đồng sinh sống trên vùng chiêm trũng này.

Tên Nôm cũng như tên Hán Việt của các làng gắn liền với quá trình hình thành, phát triển của làng xã cùng với những biến động của lịch sử xã hội. Vấn đề tên Nôm của các làng thuộc Vĩnh Hào có nhiều điểm thú vị. Huyện Vụ Bản ngày nay vốn là huyện Bình Chương, đến thời Lý – Trần gọi là Hiên Khánh – Độc Lập, cuối thời Trần đổi thành Thiên Bản. Năm Tự Đức thứ 14 (tức năm 1860) mới đổi thành Vụ Bản. Huyện Thiên Bản là một huyện có nhiều làng cổ. Theo cách phân chia của những nhà nghiên cứu văn hóa dân gian thì những tên làng có chữ “Kê” thường là những làng xuất hiện từ thời Hùng Vương dựng nước. Huyện Thiên Bản có nhiều làng mang chữ “Kê” (trong các văn bản Nôm thường viết là *Ki*, *Cổ* hoặc *Cố*). Tên những làng này đều là từ thuần Việt, về sau mới được chuyển thành Hán Việt. Dưới đây là bảng thống kê tên Nôm và tên chữ Hán của bốn làng mang chữ “Kê” của xã Vĩnh Hào.

<i>Tên Nôm</i>	<i>Tên Hán Việt</i>
Kê Si (Cổ Sư)	Làng Vĩnh Lại
Kê Đại	Làng Đại Lại
Kê Tiên	Làng Tiên Hào
Kê Sắt	Làng Cự Hào

Tên gọi các làng dù là tên cổ xưa hay tên ngày nay đều có ý nghĩa lịch sử, xã hội của nó. Như đã nói Kê Si với nghĩa là làng có cây Si – một loại cây sống ở vùng sông nước. Kê Đại có nghĩa là gò đất lớn. Trong “Kê Tiên” thì “Tiên” là trước. Kê Sắt xuất phát từ tên gò Sắt – một gò đất cao nổi lên giữa sinh lầy. Những tên cổ xưa ấy mang theo hai ý nghĩa, một là phương thức đặt tên mang chữ “Kê” là phù hợp với tên gọi của hệ thống làng cổ ở Việt

Nam nói chung; hai là những tên gọi ấy gắn liền với vùng trũng “Côi Sơn hải khẩu”, ghi lại dấu ấn lịch sử của cư dân và làng xã Việt Nam tại vùng trũng tỉnh Nam Định. Hội thảo về Chế độ điền trang thời Trần tháng 7 năm 1983 tại Nam Định cũng góp tiếng nói về quá trình hình thành làng cổ Việt Nam vùng trũng này.

Về sau, dưới thời Bắc thuộc, tên các làng xã có sự thay đổi để tiện cho việc ghi chép bằng văn bản Hán. Ví dụ, Kê Si đổi thành Vĩnh Lại với ý nghĩa là *mãi mãi được nương nhờ (ân đức tổ tông)*; Đại Lại với ý nghĩa *nương nhờ đức lớn*; “Hào” trong Tiên Hào và Cự Hào đều mang ý nghĩa là *hào kiệt, tự hào*. Tên gọi ngày nay của các làng trong xã cũng như tên xã đều có các chữ *Vĩnh* (mãi mãi, dài lâu); *Lại* (nhờ cậy, nương nhờ); *Hào* (hào kiệt, tự hào). Những tên gọi ấy đều thể hiện sinh động truyền thống uống nước nhớ nguồn và niềm tự hào cũng như ý chí vươn lên của người dân nơi đây. Thực tế bao đời đã chứng minh, nhân dân nơi đây có truyền thống yêu nước, cần cù, hiếu học và thành tích giành được trong những kì khoa cử phong kiến xưa và thành quả lao động, học tập ngày nay đều rất đáng tự hào.

Đặt xã Vĩnh Hào vào bối cảnh chung của huyện Vụ Bản, chúng ta thấy, huyện Vụ Bản cũng có nhiều tên làng xưa bắt đầu bằng chữ “Kê”. Ví dụ, Kê Mên (nay là làng Duyên Trường); Kê Kho, nay là làng Khố Thôn (*khố* nghĩa là *kho*); Kê Ngói, nay là Ngõa Thôn (*ngõa* nghĩa là *ngói*); Kê Vó, nay là Vông Cổ (*vông* nghĩa là *vó*)...

Sự chuyển đổi về tên gọi theo hướng từ Nôm sang Hán như trên phần lớn đều dựa vào nghĩa của từ dùng để đặt tên làng, chỉ có số ít là dựa theo phiên âm, như *Kê Đới – làng Đổng Đới*. Dù là tên Nôm hay tên chữ đều gắn liền với điều kiện địa lí và sản xuất nông nghiệp, phương thức mưu sinh của người dân mỗi làng, đồng thời phản ánh lịch sử xã hội Việt Nam nói chung và huyện Vụ Bản nói riêng.

Mối liên hệ giữa tên Nôm và tên chữ thể hiện trên bốn phương diện: (1) Quan hệ chuyển dịch về nghĩa từ Nôm sang Hán; (2) Chuyển đổi vị trí của trung tâm ngữ theo quy tắc cấu tạo từ tiếng Hán; (3) Các yếu tố chỉ đơn vị dân cư thường là *kê, làng, thôn, xá*; (4) Chuyển dịch theo âm. Ngoài ra, có một số tên hoàn toàn mới, không có liên quan về nghĩa, như *Kẻ Dầy- Làng An Thái*. Trong các yếu tố chỉ đơn vị dân cư đó, *kê* và *xá* là những từ cổ, sang tiếng Việt hiện đại thì nó đã dần dần hư hóa, mất khả năng tồn tại độc lập và trở thành từ tố mà *kê* thường là yếu tố trước, *xá* là yếu tố sau; *làng* và *thôn* thì có khả năng độc lập thành từ đơn. Do đó, trong huyện vẫn còn những cách gọi như *làng Kẻ Đại, làng Đào Xá...*

Như vậy, tên làng thuộc huyện Thiên Bản xưa không chỉ có ý nghĩa về mặt định danh mà còn có ý nghĩa lịch sử, xã hội sâu sắc. Nó không chỉ dùng để phân biệt khu vực hành chính này với khu vực hành chính khác, mà còn mang dấu ấn lịch sử hình thành, phát triển và đặc điểm của mỗi đơn vị hành chính. Tên Nôm và tên chữ Hán có quan hệ mật thiết với nhau, phần lớn là sự chuyển đổi về nghĩa của từ dùng làm tên gọi của làng. Tên làng đã phản ánh rõ nét đặc điểm địa hình, hoàn cảnh sống, phương thức sản xuất nông nghiệp và các hoạt động mưu sinh khác như chài lưới (làng *Kẻ Vó*) và nghề thủ công (làng *Kẻ Ngói*)... của người dân địa phương. Riêng tên gọi năm làng thuộc xã Vĩnh Hào chỉ thuần túy dựa vào đặc điểm tự nhiên vùng trũng. Những tên cây *Si, Sến, Sen* và tên gò đất như gò *Đại*, gò *Sắt* được dùng làm tên gọi của làng, mãi mãi là dấu ấn một thời về đặc trưng vùng trũng. Và những tên *Cừu* (cũ), *Tiên* (trước), *Lại* (dựa), *Hào* (hào kiệt, tự hào), *Vĩnh* (mãi mãi muôn đời) đã thể hiện ý thức hướng về cội nguồn cũng như tinh thần vươn lên của các thế hệ cư dân nơi đây. Có thể nói, tên các làng này là bức tranh sinh động về không gian văn hóa nông nghiệp truyền thống mang đặc thù vùng trũng của xã

Vĩnh Hào nói riêng và huyện Vụ Bản nói chung.

4. Lời kết

Xã Vĩnh Hào với năm làng đã có lịch sử hình thành và phát triển khá lâu đời. Đây là vùng trũng tiêu biểu cho vùng trũng của huyện Vụ Bản nói chung và tỉnh Nam Định nói riêng. Cũng như phần lớn tên gọi làng xã trong huyện, tên gọi của các làng này đều có quá trình biến đổi từ tên Nôm (tên gọi cổ xưa) đến tên chữ Hán. Dù là Nôm hay Hán Việt, những tên làng này đều có ý nghĩa sâu xa, ghi lại dấu ấn nguồn cội của làng, liên quan mật thiết với điều kiện tự nhiên là vùng chiêm trũng và truyền thống uống nước nhớ nguồn, ý thức về quê hương bản quán của người dân địa phương. Từ tên gọi cổ xưa đến tên gọi ngày nay là một quá trình diễn tiến gắn liền với lịch sử, đồng thời thể hiện những bước chuyển mình trong đời sống sản xuất của cư dân địa phương. Chính những tên gọi đó đã góp phần tạo nên không gian văn hóa vừa mang nét chung của làng quê Việt Nam vừa mang tính đặc thù của quê hương Vĩnh Hào, Vụ Bản. Đó cũng là nguồn tư liệu cho công tác nghiên cứu không gian văn hóa vùng miền và nghiên cứu địa danh Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Đại Doãn (2010), *Làng xã Việt Nam – một số vấn đề kinh tế văn hóa xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trần Mỹ Giông (2009), *Các nhà khoa bảng Nam Định thời phong kiến*, Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Nam Định, Nam Định.
3. Nguyễn Hải Kế (2003), *Một làng Việt cổ truyền ở đồng bằng Bắc bộ: Tìm hiểu cấu trúc kinh tế - xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Ngọc (2009), *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
5. Bùi Văn Tam (1997), *Văn hoá làng trên đất Thiên Bản vùng đồng bằng sông Hồng*, Giải thưởng hội văn nghệ dân gian Việt Nam.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 13-06-2013)